
TÁC ĐỘNG CỦA HỖ TRỢ CỦA CHÍNH PHỦ ĐẾN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TẠI VIỆT NAM: VAI TRÒ TRUNG GIAN CỦA MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Nguyễn Minh Thành

Học viện Tài chính

Email: nguyenminhthanh.hvtc@gmail.com

Vũ Thị Thúy Nga

Học Viện Phụ Nữ

Email: nganguyen7685@gmail.com

Mã bài: JED-1032

Ngày nhận: 11/11/2022

Ngày nhận bản sửa: 08/12/2022

Ngày duyệt đăng: 20/12/2022

Tóm tắt:

Sử dụng dữ liệu mảng của doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa, nghiên cứu này đóng góp vào tổng quan bằng việc cung cấp những bằng chứng mới về vai trò của hỗ trợ chính phủ, môi trường kinh doanh đến trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) tại Việt Nam. Nghiên cứu chỉ ra rằng hỗ trợ của chính phủ là một nhân tố quan trọng để thúc đẩy các hoạt động CSR của các doanh nghiệp, nhưng tác động mất ý nghĩa thống kê khi không đi kèm với việc cải thiện môi trường kinh doanh. Kết quả hàm ý rằng để thúc đẩy các hoạt động CSR, chính phủ không chỉ tập trung vào các khoản hỗ trợ mà quan trọng hơn phải đẩy mạnh hơn nữa sự minh bạch và nâng cao chất lượng của môi trường kinh doanh.

Từ khóa: Hỗ trợ chính phủ, môi trường kinh doanh, CSR, SMEs

Mã JEL: M14, M41, O16, Q56.

The impact of government support on SME's corporate social responsibility in Vietnam: Intermediate role of business environment

Abstract:

By employing panel data from private small and medium-sized firms, this study adds to the body of knowledge by examining the influence of governmental support and the business environment on corporate social responsibility (CSR) in Vietnam. The results reveal that government support for firms' CSR initiatives is essential, but without an improvement in the business environment, the impact is statistically insignificant. Based on the findings, the government shouldn't merely provide grants to fund CSR initiatives. They should instead do more to promote transparency and enhance the business environment.

Keywords: Government support, business environment, CSR, SMEs

JEL Codes: M14, M41, O16, Q56

1. Lời mở đầu

Các mục tiêu phát triển bền vững (sau đây gọi tắt là “SDGs”) đã được tất cả các thành viên của Liên Hợp Quốc thông qua vào năm 2015, trong đó có Việt Nam (UNDP Vietnam). Cụ thể hơn, Việt Nam lựa chọn chiến lược phát triển bền vững, sáng tạo, bao trùm làm mô hình phát triển đất nước (Phúc, 2019). Để đạt được mục tiêu này, tất cả mọi người, mọi doanh nghiệp, mọi thành phần kinh tế, mọi cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để phát triển và phải có trách nhiệm tham gia đóng góp vào sự phát triển chung (Phúc,

2019). Ở góc độ doanh nghiệp, việc thực hiện “trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp” (sau đây gọi tắt là “CSR”) được nhận định là có những vai trò quan trọng cho việc thực thi và đạt được các mục tiêu phát triển bền vững (Behringer & Szegedi, 2016). Vì vậy, vấn đề thực hiện CSR thu hút được sự chú ý của giới khoa học và các nhà hoạch định chính sách trong thời gian qua. Tại Việt Nam, quan điểm chỉ đạo đối với khu vực kinh tế tư nhân trong việc hướng tới mục tiêu phát triển bền vững nói chung được thể hiện ở một số điểm đáng lưu ý như: “trong tương lai chính sách thuế phải điều tiết mạnh mẽ hơn để thúc đẩy tư nhân tham gia phát triển dịch vụ giáo dục, y tế, văn hóa, nghệ thuật, trợ giúp xã hội, bảo vệ môi trường, từ thiện, cũng như thực hiện các trách nhiệm xã hội khác...” (Huấn, 2019)

Cho tới nay, đã có nhiều nghiên cứu tìm hiểu về ảnh hưởng của các khoản hỗ trợ chính phủ (thông qua ban hành các chính sách) tới hiệu quả doanh nghiệp ở nhiều quốc gia trên thế giới (Hansen, Rand, & Tarp, 2009; Pergelova & Angulo Ruiz, 2014). Tuy nhiên, ở một khía cạnh khác phản ánh sự thành công của doanh nghiệp là “trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp” thì chưa có nhiều nghiên cứu đi sâu tìm hiểu. Một vài nghiên cứu coi việc chính phủ các nước ban hành các chính sách bắt buộc như là nhân tố chi phối tới thực hiện CSR (Barthorpe, 2010; Bevan & Yung, 2015; Duman, Giritli, & McDermott, 2016), các chính sách hỗ trợ như là nhân tố thúc đẩy thực hiện CSR (Lichtenstein & cộng sự, 2013; Wuttke & Vilks, 2014). Tuy nhiên, cho tới nay còn thiếu nhiều bằng chứng thực nghiệm để đánh giá được tác động của hỗ trợ chính phủ tới thực hiện CSR tại doanh nghiệp ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, trong những năm qua, Việt Nam đã đưa ra nhiều chính sách để cải thiện môi trường kinh doanh nhằm tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của tất cả các loại hình doanh nghiệp. Môi trường kinh doanh không chỉ được cải thiện ở cấp quốc gia mà hiện nay mỗi tỉnh, thành phố đều coi đây là một trong những ưu tiên hàng đầu của mình. Các địa phương cạnh tranh với nhau để làm cho môi trường kinh doanh của họ tốt hơn. Sự phát triển của các doanh nghiệp được hỗ trợ bởi sự cải thiện của môi trường kinh doanh.

Mặc dù vậy, sự hiểu biết về vai trò của việc cải thiện môi trường kinh doanh đối với tác động của liên kết giữa hỗ trợ chính phủ và hoạt động CSR của doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa còn chưa sáng tỏ. Do đó, nhằm phát triển các hoạt động CSR của doanh nghiệp trong nước thông qua mối liên kết với hỗ trợ chính phủ còn thiếu căn cứ khoa học và chưa được thực hiện hiệu quả. Nghiên cứu này nhằm chứng minh môi trường kinh doanh ảnh hưởng như thế nào đến việc hỗ trợ chính cho các sáng kiến CSR giữa các doanh nghiệp trong nước. Nghiên cứu sẽ cung cấp một luận cứ quan trọng về vai trò của việc cải thiện môi trường kinh doanh đối với sự phát triển của các doanh nghiệp trong nước thông qua hỗ trợ của chính phủ.

2. Tổng quan và giả thuyết nghiên cứu

Các nghiên cứu trước đây về CSR cho thấy hai quan điểm trái ngược nhau về mối liên hệ giữa hỗ trợ chính phủ và hoạt động CSR của doanh nghiệp. Một mặt, các học giả chỉ ra tác động tích cực của hỗ trợ chính phủ đối với việc thúc đẩy hoạt động CSR. Thứ nhất, theo các học giả (ví dụ: Feldman & Kelley, 2006; Khurshid, 2015), hỗ trợ của chính phủ cung cấp nguồn vốn cho các doanh nghiệp, làm giảm chi phí và ràng buộc về tài chính của doanh nghiệp. Tương tự, nghiên cứu của Zeng & cộng sự (2019) cho thấy trợ cấp của chính phủ có thể mở rộng dòng tiền của doanh nghiệp, tăng quy mô tài trợ bên ngoài, giải quyết hiệu quả vấn đề hạn chế tài chính trong quá trình sản xuất và hoạt động. Thêm nữa, Li & cộng sự (2018) và Khurshid & Deng (2021) nhận xét rằng các chính sách hỗ trợ là nguồn vốn cho các doanh nghiệp tư nhân và giúp họ nâng cao sự chú ý và uy tín của họ. Vì vậy, doanh nghiệp thu hút sự chú ý của các tổ chức đầu tư bên ngoài, và từ đó nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn từ các tổ chức tài chính như ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Với nguồn lực tài chính dồi dào, doanh nghiệp có thể hoàn thành các hoạt động sản xuất, kinh doanh một cách hiệu quả, có thể và sẵn sàng thực hiện các trách nhiệm xã hội. Thứ hai, hành động tham gia vào các hoạt động xã hội này củng cố mối quan hệ doanh nghiệp - chính phủ. Jia & Liu (2014) lập luận rằng các công ty với sự hỗ trợ của chính phủ sẽ sẵn sàng tham gia vào CSR. Một quan điểm thú vị được đưa ra bởi Li & cộng sự (2018), cho rằng chính phủ cung cấp các khoản trợ cấp để đạt được các mục tiêu chính trị của mình. Quyên góp là một cách khác để tăng cường sự liên kết giữa chính phủ và các công ty tư nhân (Lee & cộng sự, 2017; Xue & Xiao, 2011). Vì vậy, các doanh nghiệp tư nhân tích cực tham gia và thực hiện trách nhiệm xã hội để trả nợ cho chính phủ. Dựa vào lập luận trên, bài báo này đưa ra giả thuyết sau:

H1: Tồn tại mối liên hệ tuyến tính dương giữa hỗ trợ chính phủ và CSR của doanh nghiệp, với giả định rằng các nhân tố khác không thay đổi.

Tuy nhiên, các nghiên cứu khác lại cho rằng hỗ trợ của chính phủ cản trở thay vì thúc đẩy hoạt động CSR. Tzelepis & Skuras (2004) là một trong những học giả đầu tiên cho rằng trợ cấp ảnh hưởng đến hiệu suất của họ vì về lâu dài sẽ có thêm áp lực và làm giảm lợi nhuận của họ. Một mặt, lạm dụng trợ cấp của chính phủ làm giảm đầu vào CSR. Thêm nữa, Jia & cộng sự (2021) cho rằng các chính sách trợ cấp và hỗ trợ của chính phủ làm tăng sự phụ thuộc của các doanh nghiệp, vì họ không sử dụng các nguồn lực nhân rồi để duy trì xã hội của doanh nghiệp một cách có trách nhiệm. Thêm nữa, trong tình hình quản trị công yếu kém, trợ cấp của chính phủ có thể gây ra rủi ro đạo đức. Thậm chí có thể xảy ra và hành vi tìm kiếm đặc ân trong quá trình phân bổ quỹ trợ cấp của chính phủ cản trở việc phân bổ hiệu quả và làm suy yếu hiệu lực trợ cấp. Các lập luận trên dẫn đến giả thuyết cạnh tranh về mối quan hệ giữa hỗ trợ chính phủ và hoạt động CSR của doanh nghiệp như sau:

H2: Tồn tại mối liên hệ tuyến tính âm giữa hỗ trợ chính phủ và CSR của doanh nghiệp, với giả định rằng các nhân tố khác không thay đổi.

Cuối cùng, mặc dù có rất nhiều nghiên cứu về CSR, nhưng các công trình khám phá vai trò của các yếu tố như chất lượng quản trị quốc gia trong mối quan hệ giữa hỗ trợ chính phủ và thực hành CSR của các doanh nghiệp vẫn còn rất hạn chế. Trong khi đó, các biến về thể chế và chất lượng môi trường kinh doanh được xác định ảnh hưởng đáng kể đến hành vi CSR của doanh nghiệp (Newman & cộng sự, 2020; Karmani & Boussaada, 2021). Theo quan điểm lý thuyết thể chế, chất lượng môi trường kinh doanh có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm hiệu quả của hỗ trợ chính phủ đến hoạt động CSR. Trong môi trường thể chế không mạnh, các nhà quản lý có thể lạm dụng sự hỗ trợ của chính phủ để thúc đẩy hoạt động CSR để mang lại lợi ích cho chính họ hơn là để tăng giá trị của cổ đông. Tuy nhiên, nếu khung thể chế đủ mạnh, cổ đông sẽ ít gặp khó khăn hơn trong việc thực thi các quyền của họ và họ có thể dễ dàng đảm bảo các chính sách CSR không bị các nhà quản lý lợi dụng nhằm tối ưu hóa lợi ích của chính họ. Tại Việt Nam, không có sự đồng nhất trong phát triển môi trường kinh doanh giữa các tỉnh (Van & cộng sự, 2018). Do đó, chúng tôi kỳ vọng ảnh hưởng của hỗ trợ chính phủ đối với hoạt động CSR của doanh nghiệp sẽ khác nhau ở những tỉnh có chất lượng môi trường kinh doanh khác nhau. Vì vậy, chúng tôi hình thành giả thuyết sau:

H3: Mối quan hệ giữa hỗ trợ chính phủ và CSR bị ảnh hưởng đáng kể bởi nhân tố về môi trường kinh doanh cấp tỉnh.

3. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu

3.1. Nguồn dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng điều tra doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam. Các cuộc điều tra được tiến hành với sự hợp tác giữa các đối tác bao gồm Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) và Viện Khoa học Lao động và Xã hội (ILSSA) và trường đại học Copenhagen, Đan Mạch. Các cuộc điều tra tập trung vào các doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất tại Việt Nam và được tiến hành hai năm một lần từ năm 2009 đến năm 2015. Các cuộc điều tra bao gồm 10 tỉnh (thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Long An, Hà Tây, Quảng Nam, Phú Thọ, Nghệ An), Khánh Hoà và Lâm Đồng) và ba vùng (Nam, Trung, Bắc).

Nguồn dữ liệu thứ hai là từ các cuộc điều tra về chỉ số năng lực cạnh tranh tổng hợp của tỉnh (PCI) của Việt Nam được thu thập bởi Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam giai đoạn tương ứng 2009-2015 nhằm mục đích đánh giá chất lượng thể chế của chính quyền tỉnh và hỗ trợ của chính phủ đối với môi trường kinh doanh. Các cuộc điều tra doanh nghiệp nhỏ và vừa và khảo sát PCI được kết hợp với nhau để tạo ra một bộ dữ liệu mảng duy nhất cấp độ doanh nghiệp và cấp tỉnh. Bộ dữ liệu mảng này cho phép chúng ta xem xét tác động của sự hỗ trợ của chính phủ và sự hỗ trợ của môi trường kinh doanh ở cấp tỉnh đối với CSR của doanh nghiệp.

3.2. Phương pháp luận

Ước lượng dữ liệu mảng ảnh hưởng cố định hoặc GMM là các phương pháp thông thường để xem xét vai trò hỗ trợ của chính phủ đối với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp (ví dụ: Van & Cuong, 2019). Tuy nhiên, việc các doanh nghiệp được nhận hỗ trợ của chính phủ không được chỉ định ngẫu nhiên. Vì vậy, kết quả ước lượng giữa hỗ trợ chính phủ và CSR của doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi vấn đề nội sinh và các yếu tố không quan sát được trong mô hình. Để vượt qua vấn đề này, chúng tôi sử dụng mô hình hỗn hợp đệ quy (a recursive mixed-process model) để ước tính cả hai phương trình về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và xác suất của việc doanh nghiệp được nhận hỗ trợ từ chính phủ một cách đồng thời. Kết quả ước lượng

từ phương pháp này sẽ tạo ra những hệ số ước lượng không chệch và nhất quán (Ngoc & Van, 2022). Cụ thể, mô hình ước lượng ảnh hưởng của hỗ trợ chính phủ, môi trường kinh doanh đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp như sau:

$$GS = \delta_m IV1_{it} + \delta_n IV2_{it} + u_{it} \quad (1)$$

$$Y_{it} = \alpha_0 + \delta_m GS_{it} + \delta_n PCI + \delta_h GS_{it} * PCI + \beta_k Z_{k,it} + year\ dummies + industry\ dummies + \mu_i + \vartheta_{it} \quad (2)$$

Trong đó: Y_{it} là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp i trong năm t CSR của doanh nghiệp và được đo lường bằng một số chỉ tiêu là CSR cho lao động, và CSR về môi trường; α_0 là hệ số ước tính trên một biến phụ thuộc chậm trễ trong một năm; Sự hỗ trợ của chính phủ được đo lường rộng rãi như là một biến giả để giảm sai số đo lường. Đây là biến quan tâm chính trong mô hình. Trong nghiên cứu này, chúng tôi đánh giá hỗ trợ của chính phủ như là một tập hợp các biến số. Thứ nhất, nó được tính như là một giả dựa trên câu hỏi nếu các công ty đã nhận được sự trợ giúp của chính phủ và tài chính và kỹ thuật. Thêm nữa, theo các nghiên cứu trước đây (ví dụ: Fisman & Svensson, 2007; Van & Cuong, 2019), các biến công cụ (IV) trong mô hình 1 được sử dụng là tình trạng chính chức hóa của doanh nghiệp và giá trị trung bình của hỗ trợ chính phủ theo ngành, năm và nơi sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Z là một vector của các biến giải thích phản ánh đặc điểm doanh nghiệp (ví dụ: quy mô doanh nghiệp, độ tuổi, sự đổi mới) được sử dụng trong mô hình như được chỉ ra bởi các nghiên cứu trước đây (Newman & cộng sự, 2020). Chúng tôi cũng kiểm soát các ảnh hưởng tiềm ẩn phát sinh từ sự khác biệt giữa các ngành thông qua việc sử dụng các biến giả để phân loại ngành. μ_i đại diện cho các đặc tính của công ty không được chú ý theo thời gian. Các hiệu ứng thời gian cụ thể này được nắm bắt bởi các biến giả giả năm; ε_{it} là sai số ngẫu nhiên.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Bảng 1 lần lượt báo cáo kết quả thực nghiệm về vai trò của hỗ trợ chính phủ đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp được đo lường các chỉ tiêu khác nhau. Kết quả chỉ ra rằng hai hệ số ước tính của hồi quy của hỗ trợ chính phủ đối với CSR đối với người lao động và CSR đối với môi trường, tác động của trợ cấp của chính phủ là có ý nghĩa thống kê ở mức 1% và 5%. Các giá trị hệ số dương chỉ ra rằng trợ cấp của chính phủ có thể tích cực khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân thực hiện trách nhiệm xã hội của họ. Cụ thể, nghiên cứu chỉ ra rằng việc doanh nghiệp được nhận các khoản hỗ trợ của chính phủ về tài chính hoặc kỹ thuật giúp doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội đối với người lao động và môi trường cao hơn doanh nghiệp không nhận được hỗ trợ khoảng 3% và 5%, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Kết quả khẳng định

Bảng 1: Vai trò của hỗ trợ chính phủ đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Biến giải thích	CSR đối với người lao động					CSR đối với môi trường
	Tổ chức công đoàn (TCCĐ)	Bảo hiểm xã hội (BHXH)	Bảo hiểm y tế (BHYT)	Nghỉ thai sản (NTS)	Nghỉ hưu trí (NHT)	Trách nhiệm môi trường (TNMT)
	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Hỗ trợ CP	0.060*** (0.012)	0.048*** (0.015)	0.050*** (0.015)	0.030* (0.016)	0.032* (0.018)	0.030* (0.015)
PCI	0.003*** (0.001)	0.002* (0.001)	0.003** (0.001)	0.003** (0.001)	0.003*** (0.001)	-0.000 (0.001)
Export	0.152*** (0.012)	0.132*** (0.015)	0.118*** (0.015)	0.089*** (0.016)	0.084*** (0.015)	0.055*** (0.015)
Insize	0.137*** (0.003)	0.234*** (0.003)	0.231*** (0.003)	0.232*** (0.004)	0.184*** (0.004)	0.118*** (0.004)
lnage	0.032*** (0.004)	-0.054*** (0.005)	-0.050*** (0.005)	-0.049*** (0.006)	-0.025*** (0.006)	0.019*** (0.006)
Innovation	0.008 (0.006)	0.007 (0.008)	0.014* (0.008)	0.017** (0.008)	0.009 (0.008)	-0.010 (0.008)
Hạng số	-0.497*** (0.055)	-0.270*** (0.070)	-0.326*** (0.070)	-0.340*** (0.075)	-0.384*** (0.072)	-0.179** (0.073)
Số quan sát	8,556	8,568	8,567	8,301	8,310	8,735

Chú thích: Sai số chuẩn trong ngoặc; *** $p < 0.01$, ** $p < 0.05$, * $p < 0.1$; Mô hình cũng kiểm soát biến giả năm và ngành công nghiệp. Kết quả được ước lượng bằng mô hình hỗn hợp đệ quy (a recursive mixed-process model)

giả thuyết 1 và kết luận rằng trợ cấp của chính phủ khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân đáp ứng các nghĩa vụ xã hội của họ. Điều này là do các khoản trợ cấp hoặc khuyến khích của chính phủ, dưới hình thức giảm thuế hoặc tài trợ cho R&D, giúp tăng lợi nhuận và năng suất của doanh nghiệp (Van & Cuong, 2019) và điều này đến lượt nó cho phép doanh nghiệp thực hiện chi tiêu cho các hoạt động CSR. Hơn nữa, trợ cấp mang lại cảm giác an toàn, làm tăng niềm tin của các công ty trong việc nâng cao sản lượng. Kết quả cho thấy sự cạnh tranh trên thị trường sản phẩm ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động CSR. Khả năng cạnh tranh làm giảm CSR bằng cách thúc đẩy các doanh nghiệp ưu tiên khả năng tồn tại ngắn hạn và bỏ qua các khoản đầu tư dài hạn, như trong nhiều sáng kiến CSR. Kết quả trên đồng thuận với phát hiện của Ren & cộng sự (2019) nhận thấy rằng các khoản trợ cấp của chính phủ có thể khuyến khích các doanh nghiệp tìm kiếm các giải pháp mới về các vấn đề môi trường và xã hội. Luo & cộng sự (2017) chỉ ra rằng các chương trình đào tạo về quản trị công ty do chính phủ cung cấp có thể tăng cường thúc đẩy năng lực quản trị của công ty, do đó nâng cao tác động của nó đối với hoạt động CSR của công ty.

Liên quan đến các biến kiểm soát, phần lớn các biến số có ý nghĩa như kỳ vọng. Ví dụ, Bảng 1 chỉ ra các doanh nghiệp quy mô lớn có nhiều tiềm năng và động lực để xây dựng hình ảnh doanh nghiệp thông qua các hoạt động CSR, do đó, khuyến khích việc thực hiện CSR (ví dụ: Dremptic & cộng sự, 2020). Thêm nữa, đồng thuận với các phát hiện của các nghiên cứu trước đây (ví dụ: Newman & cộng sự, 2018), kết quả cho thấy việc tham gia vào các hoạt động thương mại quốc tế thúc đẩy CSR của các doanh nghiệp Việt Nam, áp lực về pháp luật và tiêu chuẩn tiêu dùng quốc tế là những nhân tố quan trọng đã thúc đẩy các hoạt động CSR của các doanh nghiệp Việt Nam khi họ tham gia xuất khẩu. Cuối cùng, trong khi các doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa của Việt Nam có nhiều năm tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh có xác suất cao hơn trong các hoạt động CSR liên quan đến môi trường.

Bảng 2: Vai trò trung gian của môi trường kinh doanh đến mối quan hệ giữa hỗ trợ chính phủ và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Biến độc lập	CSR đối với người lao động					CSR đối với môi trường
	Tổ chức công đoàn (2)	Bảo hiểm xã hội (3)	Bảo hiểm y tế (4)	Nghi thai sản (5)	Nghi hưu trí (6)	Trách nhiệm môi trường (7)
Hỗ trợ CP	-0.053 (0.097)	-0.089 (0.123)	-0.145 (0.124)	0.008 (0.132)	-0.012 (0.126)	-0.001 (0.128)
PCI	0.003*** (0.001)	0.001 (0.001)	0.002 (0.001)	0.003** (0.001)	0.003** (0.001)	-0.000 (0.001)
Hỗ trợ CP*PCI	0.002 (0.002)	0.002 (0.002)	0.003 (0.002)	0.000 (0.002)	0.001 (0.002)	0.001 (0.002)
Hằng số	-0.470*** (0.059)	-0.237*** (0.075)	-0.280*** (0.076)	-0.334*** (0.081)	-0.373*** (0.078)	-0.171** (0.079)
Số quan sát	8,556	8,568	8,567	8,301	8,310	8,735

*Chú thích: Sai số chuẩn trong ngoặc; *** $p < 0.01$, ** $p < 0.05$, * $p < 0.1$; Mô hình cũng kiểm soát hoạt động xuất khẩu, quy mô doanh nghiệp, tuổi doanh nghiệp, hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, biến giả năm và biến giả ngành công nghiệp. Kết quả được ước lượng bằng mô hình hỗn hợp đệ quy (a recursive mixed-process model).*

Tuy thế, thứ vị thay khi xem xét ảnh hưởng trung gian của môi trường kinh doanh trong mối quan hệ giữa hỗ trợ chính phủ và CSR, mối quan hệ là vẫn dương nhưng không còn ý nghĩa thống kê. Kết quả này được giải thích bởi một số lý do sau. Trước tiên, việc tồn tại khá phổ biến tình trạng tham nhũng trong môi trường kinh doanh tại Việt Nam, các doanh nghiệp có thể nhận được sự hỗ trợ của chính phủ bằng cách đáp ứng các yêu cầu và kỳ vọng của các cơ quan chính phủ (Van & cộng sự, 2018). Việc tồn tại của rủi ro đạo đức doanh nghiệp, việc tăng số tiền trợ cấp của chính phủ sẽ dẫn đến hành vi lười biếng và tìm kiếm đặc ân của doanh nghiệp, giảm hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và giảm nguồn lực đầu vào của CSR.

Thêm nữa, chất lượng môi trường kinh doanh được nhận thấy thúc đẩy hoạt động CSR của doanh nghiệp. Kết quả này hàm ý rằng những chính sách cải thiện môi trường kinh doanh sẽ giúp tăng cường các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện CSR trong quá trình sản xuất và kinh doanh. Môi

trường kinh doanh khi được cải thiện sẽ thúc đẩy hoạt động CSR của các doanh nghiệp nhỏ và vừa yếu hơn và thiếu kinh nghiệm.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Trong khi nghiên cứu về CSR có một quá trình phát triển lâu dài, nghiên cứu vai trò của hỗ trợ chính phủ, môi trường kinh doanh đến CSR vẫn còn mới đối với các nền kinh tế đang phát triển. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu chỉ ra rằng hỗ trợ của chính phủ khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân tiến hành các hoạt động CSR tại Việt Nam. Ở các nước đang phát triển, các doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa đối mặt với tình trạng thiếu nguồn lực. Vì vậy, kết quả nghiên cứu này hàm ý rằng chính phủ có thể nhân rộng các hoạt động CSR bằng cách cung cấp trợ cấp cho các doanh nghiệp tư nhân mở rộng nguồn lực, từ đó giúp doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa thực hiện nhiều hơn hoạt động CSR.

Trong bối cảnh đặc thù của nền kinh tế Việt Nam khi phần lớn các doanh nghiệp nhỏ và vừa đều chưa có CSR hoặc các hoạt động này còn yếu thì kết quả nghiên cứu này có ý nghĩa hết sức quan trọng. Kết quả cũng cho thấy, tiến trình cải thiện môi trường kinh doanh mà Việt Nam hiện nay đang triển khai có ý nghĩa rất quan trọng để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong đó nhóm các doanh nghiệp yếu thế cần phải được đặc biệt quan tâm. Cải thiện môi trường kinh doanh sẽ giúp cho các doanh nghiệp yếu thế trong nền kinh tế gia tăng hoạt động và kết quả CSR và do vậy giúp Việt Nam đạt được mục tiêu phát triển bao trùm và bền vững.

Phụ lục 1: Thống kê mô tả và định nghĩa các biến trong mô hình

Các biến trong mô hình	2009		2011		2013		2015	
	Trung bình	SD	Trung bình	SD	Trung bình	SD	Trung bình	SD
TCCĐ (=1 nếu doanh nghiệp có tổ chức công đoàn, 0 ngoài ra)	0.08	0.27	0.11	0.31	0.11	0.31	0.13	0.33
BHXH (=1 nếu doanh nghiệp có trả bảo hiểm xã hội cho người lao động, 0 ngoài ra)	0.19	0.40	0.25	0.44	0.27	0.44	0.28	0.45
BHXH (=1 nếu doanh nghiệp có trả bảo hiểm y tế cho người lao động, 0 ngoài ra)	0.20	0.40	0.27	0.44	0.26	0.44	0.37	0.48
NTS (= nếu doanh nghiệp có trả cho người lao động trong thời kỳ sinh nở, 0 ngoài ra)	0.50	0.50	0.58	0.49	0.33	0.47	0.36	0.48
NHT (=1 nếu doanh nghiệp có trả hưu trí cho người lao động, 0 ngoài ra)	0.12	0.33	0.24	0.43	0.18	0.38	0.27	0.44
Hỗ trợ CP (=1 nếu doanh nghiệp nhận được các khoản hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, và các khoản hỗ trợ khác từ chính phủ, 0 ngoài ra)	0.347	0.47	.15	0.36	0.12	0.32	0.08	0.27
PCI	57.83	3.84	63.88	4.24	55.22	2.44	59.64	1.23
Export (=1 nếu doanh nghiệp tham gia xuất khẩu; 0 ngoài ra)	0.06	0.25	0.08	0.27	0.07	0.25	0.07	0.25
Lsize (tổng số lao động)	1.96	1.13	2.09	1.10	1.85	1.15	1.70	1.18
Lnage (số năm doanh nghiệp hoạt động trên thị trường)	2.41	0.71	2.32	0.67	2.54	0.63	2.62	0.63
Số quan sát	1917		1971		2253		2605	

Lời thừa nhận: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 502.01-2020.14

Tài liệu tham khảo

- Barthorpe, S. (2010), 'Implementing corporate social responsibility in the UK construction industry', *Property Management*, 28(1), 4-17.
- Behringer, K., & Szegedi, K. (2016), 'The role of CSR in achieving sustainable development-theoretical approach', *European Scientific Journal*, 12(22).
- Bevan, E., & Yung, P. (2015), 'Implementation of corporate social responsibility in Australian construction SMEs', *Engineering, Construction and Architectural Management*, 22(3), 295-311.
- Đoàn Minh Huân (2019), *Phát huy vai trò của xã hội góp phần bổ sung giới hạn của nhà nước và hạn chế khuyết tật của thị trường*, Tạp chí Công Sản, tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/phan-huy-vai-tro-cua-xa-hoi-gop-phan-bo-sung-gioi-han-cua-nha-nuoc-va-han-che-khuyet-tat-cua-thi-truong
- Drempetic, S., Klein, C., & Zwergel, B. (2020), 'The influence of firm size on the ESG score: Corporate sustainability ratings under review', *Journal of Business Ethics*, 167(2), 333-360.
- Duman, D., Giritli, H., & McDermott, P. (2016), 'Corporate social responsibility in construction industry A comparative study between UK and Turkey', *Built Environment Project and Asset Management*, 6(2), 218-231.
- Feldman, M. P., & Kelley, M. R. (2006), 'The ex-ante, assessment of knowledge spillovers: Government R&D policy, economic incentives and private firm behavior', *Research Policy*, 35(10), 1509-1521.
- Fisman, R. & Svensson, J. (2007), 'Are corruption and taxation really harmful to growth? Firm level evidence', *Journal of Development Economics*, 83, 63-75.
- Hansen, H., Rand, J., & Tarp, F. (2009), 'Enterprise Growth and Survival in Vietnam: Does Government Support Matter?', *Journal of Development Studies*, 45(7), 1048-1069.
- Jia, L., Nam, E., & Chun, D. (2021), 'Impact of Chinese government subsidies on enterprise innovation: Based on a three-dimensional perspective', *Sustainability*, 13(3), 1288.
- Jia, X. P., & Liu, Y. (2014), 'External environment, internal resource and corporate social responsibility', *Nankai Business Review*, 17(6), 13-18.
- Karmani, M., & Boussaada, R. (2021), 'Corporate social responsibility and firm performance: does institutional quality matter?', *Journal of Applied Accounting Research*, 22(4), 641-662.
- Khurshid, A. (2015), 'The effect of interest rate on investment; Empirical evidence of Jiangsu Province, China', *Journal of International Studies*, 8(1), 81-90.
- Khurshid, A., & Deng, X. (2021), 'Innovation for carbon mitigation: A hoax or road toward green growth? Evidence From Newly Industrialized Economies', *Environmental Science and Pollution Research*, 28(6), 6392-6404
- Lee, E., Walker, M., & Zeng, C. C. (2017), 'Do Chinese state subsidies affect voluntary corporate social responsibility disclosure?', *Journal of Accounting and Public Policy*, 36(3), 179-200.
- Li, S., Wu, H., & Jiang, X. (2018), 'Rent-seeking and firm value: Chinese evidence', *Business and Politics*, 20(2), 239-272.
- Lichtenstein, S., Badu, E., Owusu-Manu, D., Edwards, D., & Holt, G. (2013), 'Corporate social responsibility architecture and project alignments A study of the Ghanaian construction industry', *Journal of Engineering Design and Technology*, 11(3), 334-353.
- Luo, X.R., Wang, D., Zhang, J., (2017), 'Whose call to answer: institutional complexity and firms' CSR reporting', *Academy of Management Journal*, 60(1), 321e344.
- Newman, C., Rand, J., Tarp, F., & Trifkovic, N. (2018), 'The transmission of socially responsible behaviour through

international trade', *European Economic Review*, 101, 250-267.

- Newman, C., Rand, J., Tarp, F., & Trifkovic, N. (2020), 'Corporate social responsibility in a competitive business environment', *The Journal of Development Studies*, 56(8), 1455-1472.
- Ngoc, T. N., & Van, H. V. (2022), 'How does adopting occupational health and safety management practices affect outcomes for employees? The case of Vietnamese SMEs', *International Review of Economics & Finance*.
- Pergelova, A., & AnguloRuiz, F. (2014), 'The impact of government financial support on the performance of new firms: the role of competitive advantage as an intermediate outcome', *Entrepreneurship & Regional Development*, 26(9-10), 663-705.
- Ren, S., He, D., Zhang, T., Chen, X., (2019), 'Symbolic reactions or substantive proenvironmental behaviour? An empirical study of corporate environmental performance under the government's environmental subsidy scheme', *Business Strategy and the Environment* (28), 1148e1165.
- Tzelepis, D., & Skuras, D. (2004), 'The effects of regional capital subsidies on firm performance: An empirical study', *Journal of Small Business and Enterprise Development*, 11, 121-129.
- Van Huong, V., & Cuong, L. K. (2019), 'Does government support promote SME tax payments? New evidence from Vietnam', *Finance Research Letters*, 31, 10-18
- Van Vu, H., Tran, T. Q., Van Nguyen, T., & Lim, S. (2018), 'Corruption, types of corruption and firm financial performance: New evidence from a transitional economy', *Journal of Business Ethics*, 148(4), 847-858.
- Vũ Văn Phúc (2019), *Quan điểm, chủ trương, chính sách lớn về phát triển bền vững, sáng tạo, bao trùm*, http://www.tapchiconsan.org.vn/kinh-te/-/2018/815622/view_content
- Wuttke, M., & Vilks, A. (2014). Poverty alleviation through CSR in the Indian construction industry. *Journal of Management Development*, 33(2), 119-130.
- Xue, S., & Xiao, X. (2011), 'Donation: Is it a way to strengthen political connections in private enterprises', *Journal of Financial Economics*, 37, 102-112.
- Zeng F, Fang Y, Zhang X (2019), 'Analysis of the influence of government subsidy on technological innovation of enterprises', *Comm Financ Account*, 103-107, <https://doi.org/10.16144/j.cnki.issn1002-8072.2019.09.020>.